



Số: 52/2026\_ASP-SGDCK\_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC Hợp Nhất năm 2025 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 03 năm 2026

## Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất đạt được trong năm 2025 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của năm 2025 tăng so với năm 2024 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm	Số liệu đã kiểm	Chênh
	toán năm 2025	toán năm 2024	lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	354.669.243.683	320.253.649.495	34.415.594.188
2 Doanh thu hoạt động tài chính	6.803.488.650	16.644.876.070	(9.841.387.420)
3 Chi phí tài chính	41.557.898.004	48.211.612.756	(6.653.714.752)
4 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	3.984.565.075	1.486.167.841	2.498.397.234
5 Chi phí bán hàng	222.511.344.714	208.241.444.926	14.269.899.788
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.085.262.341	87.897.447.236	5.187.815.105
7 Lợi nhuận khác	16.010.215.571	7.294.993.075	8.715.222.496
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.313.007.920	1.329.181.563	22.983.826.357
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.603.125.400	48.812.971	10.554.312.429
10 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(487.405.976)	(4.058.728.888)	3.571.322.912
11 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.197.288.496	5.339.097.480	8.858.191.016

### 1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 34.415.594.188 đồng nguyên nhân chủ yếu là sản lượng bán hàng tăng và giá giá vốn hàng bán giảm nên đã làm lãi gộp tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 9.841.387.420 đồng nguyên nhân do thu nhập từ lợi nhuận đầu tư và lãi chênh lệch tỉ giá phát sinh giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính giảm 6.653.714.752 đồng nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỉ giá phát sinh giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng tăng 14.269.899.788 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý tăng 5.187.815.105 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và chi phí chi phí dịch vụ mua ngoài tăng so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận khác tăng 8.715.222.496 đồng nguyên nhân chủ yếu là do năm 2025 thực hiện kết chuyển doanh thu chưa thực hiện từ việc bán tài sản dài hạn cho Công ty liên kết.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của năm 2025 tăng 8.858.191.016 đồng so với năm 2024.

**2. Giải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán**

Chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán năm 2025	Số liệu trước kiểm toán năm 2025	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	3.984.565.075	5.569.265.787	(1.584.700.712)
2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.085.262.341	92.554.693.828	530.568.513
3 Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.603.125.400	5.030.857.809	5.572.267.591
4 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(487.405.976)	(703.598.871)	216.192.895
5 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.197.288.496	22.098.625.037	(7.901.336.541)

**Nguyên nhân chênh lệch:**

- Phần lãi trong các công ty liên kết sau kiểm toán giảm 1.584.700.712 đồng nguyên nhân do tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 một số công ty liên kết chưa ghi nhận đầy đủ dữ liệu lên BCTC riêng sau kiểm toán các công ty đã ghi nhận đầy đủ nên có sự chênh lệch này.
- Chi phí quản lý sau kiểm toán tăng 530.568.513 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh hạch toán bổ sung chi phí dịch vụ kiểm toán và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại công ty mẹ.
- Chi phí thuế TNDN tăng 5.572.267.591 đồng và chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng 216.192.895 đồng nguyên nhân do kiểm toán tính toán xác định lại khoản thuế TNDN mà công ty phải nộp trong năm 2025

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế năm 2025 trên báo cáo sau kiểm toán điều chỉnh giảm 7.901.336.541 đồng so với báo cáo trước kiểm toán.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT.HCM
- Lưu VT, NQTCTY

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**KOBAYASHI NAOKI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 51



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập

##### **ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên

##### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/6/2025)

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
  


**KOBAYASHI NAOKI**

**Kobayhashi Naoki**  
**Tổng Giám đốc**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Số: 172/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 28/3/2026, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026*

**Lê Thanh Tùng Lâm**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>673.070.424.459</b>	<b>809.260.745.299</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>76.813.855.652</b>	<b>189.235.485.622</b>
1. Tiền	111		76.813.855.652	129.235.485.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>22.925.010.400</b>	<b>20.200.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.925.010.400	20.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>525.306.587.250</b>	<b>512.293.093.307</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	543.614.785.083	524.959.435.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.252.243.693	11.831.984.414
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.250.000.000	20.925.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	32.097.479.863	24.265.038.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(68.065.344.236)	(69.699.715.604)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		157.422.847	11.350.228
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>38.233.776.454</b>	<b>68.517.151.486</b>
1. Hàng tồn kho	141		42.357.830.772	74.010.032.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.124.054.318)	(5.492.881.032)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.791.194.703</b>	<b>19.015.014.884</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	5.863.484.789	6.926.165.194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.085.690.344	7.115.568.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	2.842.019.570	4.973.281.180
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>654.128.566.667</b>	<b>751.074.152.640</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>38.900.198.589</b>	<b>39.267.098.590</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	19.737.320.000	13.737.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	19.162.878.589	25.529.778.590
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.130.929.701</b>	<b>109.444.419.213</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	17.532.469.586	25.869.602.965
- Nguyên giá	222		171.992.432.748	181.688.829.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.459.963.162)	(155.819.226.811)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	75.598.460.115	83.574.816.248
- Nguyên giá	228		108.127.491.549	108.165.491.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.529.031.434)	(24.590.675.301)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>118.463.396.587</b>	<b>129.167.240.172</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		118.463.396.587	129.167.240.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.340.000.000	16.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.340.000.000)	(16.340.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>403.634.041.790</b>	<b>473.195.394.665</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	402.715.765.807	469.574.901.391
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.13	614.089.484	2.895.985.956
3. Lợi thế thương mại	269	5.14	304.186.499	724.507.318
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.327.198.991.126</b>	<b>1.560.334.897.939</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>997.397.214.647</b>	<b>1.253.234.664.905</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>972.390.588.225</b>	<b>1.198.593.325.555</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	570.175.035.200	593.987.591.296
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.356.598.545	4.040.488.007
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	7.307.320.447	2.134.797.024
4. Phải trả người lao động	314		8.530.373.430	8.201.810.313
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	904.082.385	3.300.454.775
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	-	90.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	7.738.133.544	5.192.338.993
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	375.816.910.872	581.083.711.345
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.006.626.422</b>	<b>54.641.339.350</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	-	10.658.453.030
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	10.748.381.996	19.545.549.446
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	-	7.409.790.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.13	14.258.244.426	17.027.546.874
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>329.801.776.479</b>	<b>307.100.233.034</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>329.801.776.479</b>	<b>307.100.233.034</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(47.337.624.872)	(74.017.361.672)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(61.292.446.949)	(81.146.787.427)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.954.822.077	7.129.425.755
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.004.103.135	5.982.296.490
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.327.198.991.126</b>	<b>1.560.334.897.939</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayhashi Naoki

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.316.793.895.954	3.334.606.586.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	77.710.773.294	27.869.612.267
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>3.239.083.122.660</b>	<b>3.306.736.974.707</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.884.413.878.977	2.986.483.325.212
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>354.669.243.683</b>	<b>320.253.649.495</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.803.488.650	16.644.876.070
7. Chi phí tài chính	22	6.4	41.557.898.004	48.211.612.756
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.463.185.621</i>	<i>25.173.672.415</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.984.565.075	1.486.167.841
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	222.511.344.714	208.241.444.926
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	93.085.262.341	87.897.447.236
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>8.302.792.349</b>	<b>(5.965.811.512)</b>
12. Thu nhập khác	31	6.7	20.032.290.112	8.643.474.773
13. Chi phí khác	32	6.7	4.022.074.541	1.348.481.698
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.7</b>	<b>16.010.215.571</b>	<b>7.294.993.075</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>24.313.007.920</b>	<b>1.329.181.563</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	10.603.125.400	48.812.971
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(487.405.976)	(4.058.728.888)
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>14.197.288.496</b>	<b>5.339.097.480</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.954.822.077	7.129.425.755
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		242.466.419	(1.790.328.275)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	374	191

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayashi Naoki

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		24.313.007.920	1.329.181.563
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		16.843.637.534	25.067.580.605
- Các khoản dự phòng	03		(2.964.248.135)	(2.349.559.705)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(176.299.043)	(958.186.574)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.667.080.373)	(7.995.395.139)
- Chi phí lãi vay	06		25.463.185.621	25.173.672.415
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		55.812.203.524	40.267.293.165
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.219.851.671)	231.212.081.779
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.652.201.746	21.615.724.120
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.175.160.993)	(237.488.359.162)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		67.921.815.989	85.439.467.447
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.379.279.137)	(25.653.562.175)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.740.046.962)	(4.469.704.558)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		56.871.882.496	110.922.940.616
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.951.421.988)	(5.570.962.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.248.265.455	3.201.778.276
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.525.010.400)	(72.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		75.475.000.000	94.723.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.219.683.500)	(5.543.523.669)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		41.356.809.793	6.110.293.283
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.863.814.850	9.893.334.557
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		43.247.774.210	29.914.420.447

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.462.177.216.369	2.279.044.173.411
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.674.843.656.842)	(2.446.710.926.335)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<i>(212.666.440.473)</i>	<i>(167.666.752.924)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(112.546.783.767)</b>	<b>(26.829.391.861)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>189.235.485.622</b>	<b>215.989.245.836</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>125.153.797</i>	<i>75.631.647</i>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>76.813.855.652</b>	<b>189.235.485.622</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayhashi Naoki

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 629 người (tại ngày 31/12/2024 là 664 người).

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo như công bố trên Công thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Các Công ty con trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phú Đồng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
4	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
<b>Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)</b>						
5	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty TNHH MTV Minh Gia (i)	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm dừng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vinh Tuy, Phường Vinh Phú, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần MT Gas	5/1 Khu Phố 6, Quốc lộ 1A, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,73%	40,73%	40,73%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và Báo cáo tài chính của các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp như được trình bày tại Thuyết minh số 1.3.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải thu (Phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

010  
NG  
NH  
1 TC  
/IET  
i N

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

**Các khoản đầu tư khác:**

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm các địa điểm sau đây:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/02/2051);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Thạnh Xuân, Tp. Cần Thơ (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, xã Phú Đông, thành phố Hà Nội (thời hạn sử dụng đất đến ngày 13/7/2057);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng (thời hạn sử dụng đất đến ngày 02/6/2048).

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản**

**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Cho thuê tài sản (Tiếp theo)**

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí bảo lãnh mua LPG**

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

**Tiền thuê tài sản trả trước**

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)**

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

**Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG**

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước khi Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa nhận được hóa đơn hoặc có hồ sơ có liên quan.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vô bình gas***

Hằng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vô bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.387.978.613	2.272.036.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.425.877.039	126.927.564.038
Tiền đang chuyển	-	35.885.466
Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>76.813.855.652</b>	<b>189.235.485.622</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.925.010.400	22.925.010.400	20.200.000.000	20.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>22.925.010.400</b>	<b>22.925.010.400</b>	<b>20.200.000.000</b>	<b>20.200.000.000</b>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,8%/năm. Trong đó, giá trị tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nam Sài Gòn bị phong tỏa để làm tài sản đảm bảo để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty là 2.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			<b>155.859.613.905</b>		<b>118.463.396.587</b>	<b>147.639.930.405</b>		<b>129.167.240.172</b>
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina (ii)	35,00%	35,00%	18.945.079.125	(i)	27.184.216.649	10.725.395.625	(i)	16.185.089.150
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	-	1.470.000.000	(i)	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	-	2.385.320.000	(i)	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	-	7.513.340.000	(i)	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	-	2.940.000.000	(i)	1.290.516.538
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	11.028.480.632	13.650.000.000	(i)	10.705.749.189
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	16.279.682.038	34.000.000.000	(i)	16.291.534.559
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	15.964.481.230	20.000.000.000	(i)	16.211.366.280
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung (iii)	40,54%	40,54%	19.256.500.000	(i)	-	19.256.500.000	(i)	17.476.150.888
Công ty Cổ phần MT Gas (iv)	40,73%	40,73%	35.699.374.780		28.517.511.500	48.006.536.038	31.922.587.500	51.006.833.568
<b>Tổng</b>			<b>155.859.613.905</b>		<b>118.463.396.587</b>	<b>147.639.930.405</b>		<b>129.167.240.172</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>16.340.000.000</b>		<b>(16.340.000.000)</b>	<b>16.340.000.000</b>		<b>(16.340.000.000)</b>
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông			9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng			6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)	6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)
<b>Tổng</b>			<b>16.340.000.000</b>		<b>(16.340.000.000)</b>	<b>16.340.000.000</b>		<b>(16.340.000.000)</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina theo Nghị quyết số 04/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 01/4/2025 của Hội đồng quản trị.

(iii) Theo Nghị quyết số 11/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 30/5/2025 của Hội đồng quản trị, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung.

(iv) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2025. Cụ thể, tại ngày 31/12/2025, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 6.700 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu.

Các giao dịch với các Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	27.588.878.729	22.916.343.615
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	29.438.598.598	30.017.648.777
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	14.626.933.063	21.242.915.418
Công ty Cổ phần MT Gas	27.386.164.542	43.934.711.764
Các đối tượng khác	444.574.210.151	406.847.816.276
<b>Tổng</b>	<b>543.614.785.083</b>	<b>524.959.435.850</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>145.498.585.027</i>	<i>201.505.617.902</i>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Các đối tượng khác	3.472.602.975	6.052.343.696
<b>Tổng</b>	<b>9.252.243.693</b>	<b>11.831.984.414</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.250.000.000</b>	<b>20.925.000.000</b>
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	475.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (i)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na (ii)	2.800.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas (iii)	1.450.000.000	1.450.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.737.320.000</b>	<b>13.737.320.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (v)	14.217.320.000	8.217.320.000
<b>Tổng</b>	<b>27.987.320.000</b>	<b>34.662.320.000</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>23.987.320.000</i>	<i>30.662.320.000</i>

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024, sau đó đã được gia hạn đến hết ngày 31/12/2025. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên. Theo Thông báo số 12/CV/PTCKT/ASP/2025 ngày 26/12/2025, Hợp đồng sẽ không được gia hạn, Công ty đang làm việc với Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng để thu hồi khoản nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)**

(ii) Khoản cho Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na vay theo Hợp đồng số 1905/2025/HDCV/ASP-HVGC ngày 19/5/2025, số tiền vay là 2.800.000.000 VND. Lãi suất tiền vay là 8%/năm. Thời hạn vay: đến hết ngày 30/4/2026.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản vay được gia hạn hết 30/6/2026 theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐVV/ASP-BETA/2025 ngày 01/7/2025. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mô Hóa Lông Be Ta Gas.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

**5.6 Phải thu khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.097.479.863</b>	<b>(2.356.832.662)</b>	<b>24.265.038.419</b>	<b>(1.830.982.971)</b>
- Phải thu người lao động	5.074.577.845	(1.108.532.983)	7.264.476.800	(1.108.532.983)
- Ký cược ký quỹ ngắn hạn	17.883.419.000	-	2.659.379.000	-
- Phải thu khác	9.139.483.018	(1.248.299.679)	14.341.182.619	(722.449.988)
+ <i>Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	783.793.827	-	238.311.368	-
+ <i>Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần</i>	3.725.000.000	-	5.639.000.000	-
+ <i>Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa</i>	291.311.075	-	321.652.568	-
+ Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
+ Saisan Co., Ltd. - <i>Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)</i>	2.591.619.929	-	889.195.480	-
+ Ông Ngô Mạnh Hùng	-	-	6.000.000.000	-
+ Các khoản khác	1.347.758.187	(1.248.299.679)	853.023.203	(722.449.988)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.162.878.589</b>	<b>-</b>	<b>25.529.778.590</b>	<b>-</b>
- Ký cược ký quỹ dài hạn	19.162.878.589	-	25.344.778.589	-
- Phải thu khác	-	-	185.000.001	-
- Ông Trần Quốc Bửu	-	-	185.000.001	-
<b>Tổng</b>	<b>51.260.358.452</b>	<b>(2.356.832.662)</b>	<b>49.794.817.009</b>	<b>(1.830.982.971)</b>

Trong đó,

<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	712.755.476	-	853.709.177	-
---	-------------	---	-------------	---

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>		<b>60.478.147.631</b>	<b>1.848.860.027</b>	<b>(58.629.287.604)</b>		<b>61.976.303.793</b>	<b>1.186.795.136</b>	<b>(60.789.508.657)</b>
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	Trên 3 năm	16.905.567.752	-	(16.905.567.752)	Trên 3 năm	16.905.567.752	-	(16.905.567.752)
Các khách hàng nhận chuyển giao từ Công ty Gia Định	Trên 3 năm	11.530.838.292	-	(11.530.838.292)	Trên 3 năm	12.034.838.292	-	(12.034.838.292)
Các đối tượng khác	Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm	32.041.741.587	1.848.860.027	(30.192.881.560)	Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm	33.035.897.749	1.186.795.136	(31.849.102.613)
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>7.079.223.970</b>	<b>-</b>	<b>(7.079.223.970)</b>		<b>7.079.223.976</b>	<b>-</b>	<b>(7.079.223.976)</b>
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.299.583.252	-	(1.299.583.252)	Trên 3 năm	1.299.583.258	-	(1.299.583.258)
<b>Phải thu khác</b>		<b>2.361.832.662</b>	<b>5.000.000</b>	<b>(2.356.832.662)</b>		<b>1.830.982.971</b>	<b>-</b>	<b>(1.830.982.971)</b>
Bà Phạm Thị Hồng Nhạn (i)	Từ 1 năm đến 2 năm	383.588.249	-	(383.588.249)	Trên 3 năm	-	-	-
Ông Trần Minh Loan (i)	Từ 1 năm đến 2 năm	233.612.029	-	(233.612.029)				
Các đối tượng khác	Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm	1.744.632.384	5.000.000	(1.739.632.384)	Trên 3 năm	1.830.982.971	-	(1.830.982.971)
<b>Tổng</b>		<b>69.919.204.263</b>	<b>1.853.860.027</b>	<b>(68.065.344.236)</b>		<b>70.886.510.740</b>	<b>1.186.795.136</b>	<b>(69.699.715.604)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	992.979.868	(107.996)	908.860.119	(122.292)
Công cụ, dụng cụ	9.624.829.420	(121.352.000)	6.827.287.758	(121.352.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.261.241	-	555.956.690	-
Hàng hóa	31.250.760.243	(4.002.594.322)	65.717.927.951	(5.371.406.740)
<b>Tổng</b>	<b>42.357.830.772</b>	<b>(4.124.054.318)</b>	<b>74.010.032.518</b>	<b>(5.492.881.032)</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.863.484.789</b>	<b>6.926.165.194</b>
Chi phí bảo lãnh mua LPG	234.161.163	309.995.157
Chi phí sửa chữa	2.900.835	154.135.001
Chi phí thuê mặt bằng	1.637.872.091	1.989.741.704
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	540.138.837	912.766.554
Chi phí trả trước khác	3.448.411.863	3.559.526.778
<b>b) Dài hạn</b>	<b>402.715.765.807</b>	<b>469.574.901.391</b>
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	135.905.203.827	179.924.103.312
Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG	66.437.284.544	63.078.559.840
Chi phí thuê kho bãi	1.572.000.000	3.499.200.000
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii)	185.743.156.412	221.525.526.606
Chi phí trả trước khác	13.058.121.024	1.547.511.633
<b>Tổng</b>	<b>408.579.250.596</b>	<b>476.501.066.585</b>

(i) Chi phí mua vỏ chai LPG được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các con của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>2.134.797.024</b>	<b>258.245.773.879</b>	<b>253.073.250.456</b>	<b>7.307.320.447</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.212.588.181	218.708.179.008	217.382.322.043	2.538.445.146
Thuế xuất, nhập khẩu	149.296.480	24.561.443.509	23.914.703.433	796.036.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.753.639	12.131.926.716	8.740.046.962	3.451.633.393
Thuế thu nhập cá nhân	713.158.724	2.388.233.970	2.580.187.342	521.205.352
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	281.245.490	281.245.490	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	174.745.186	174.745.186	-
<b>Phải thu</b>	<b>4.973.281.180</b>	<b>2.133.785.991</b>	<b>2.524.381</b>	<b>2.842.019.570</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	85.302.398	1.507.854	-	83.794.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.846.628.494	2.120.634.198	-	2.725.994.296
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	11.643.939	11.643.939	-	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác nộp thừa	16.500.000	-	2.524.381	19.024.381
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa	13.206.349	-	-	13.206.349

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2025	29.329.972.777	81.721.328.624	63.893.894.952	6.705.503.423	38.130.000	181.688.829.776
Tăng trong năm	751.993.480	-	3.080.428.508	-	-	3.832.421.988
Mua trong năm	751.993.480	-	3.080.428.508	-	-	3.832.421.988
Giảm trong năm	-	-	(13.528.819.016)	-	-	(13.528.819.016)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(13.382.746.397)	-	-	(13.382.746.397)
Giảm tài sản do không hiện hữu	-	-	(146.072.619)	-	-	(146.072.619)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>30.081.966.257</b>	<b>81.721.328.624</b>	<b>53.445.504.444</b>	<b>6.705.503.423</b>	<b>38.130.000</b>	<b>171.992.432.748</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2025	24.258.861.470	74.753.473.817	50.564.422.400	6.204.339.124	38.130.000	155.819.226.811
Tăng trong năm	2.236.680.016	2.312.861.217	3.510.471.826	267.947.523	-	8.327.960.582
Khấu hao trong năm	2.236.680.016	2.312.861.217	3.510.471.826	267.947.523	-	8.327.960.582
Giảm trong năm	-	-	(9.687.224.231)	-	-	(9.687.224.231)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.687.224.231)	-	-	(9.687.224.231)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>26.495.541.486</b>	<b>77.066.335.034</b>	<b>44.387.669.995</b>	<b>6.472.286.647</b>	<b>38.130.000</b>	<b>154.459.963.162</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2025	5.071.111.307	6.967.854.807	13.329.472.552	501.164.299	-	25.869.602.965
Tại ngày 31/12/2025	3.586.424.771	4.654.993.590	9.057.834.449	233.216.776	-	17.532.469.586

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 123.634.325.349 VND (tại ngày 01/01/2025: 92.032.530.514 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.12 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2025	77.003.448.071	31.162.043.478	108.165.491.549
Tăng trong năm	-	119.000.000	119.000.000
Mua trong năm	-	119.000.000	119.000.000
Giảm trong năm	-	(157.000.000)	(157.000.000)
Giảm do thoái đầu tư Công ty con	-	(157.000.000)	(157.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>77.003.448.071</b>	<b>31.124.043.478</b>	<b>108.127.491.549</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2025	11.623.487.137	12.967.188.164	24.590.675.301
Tăng trong năm	2.111.738.952	5.983.617.181	8.095.356.133
Khấu hao trong năm	2.111.738.952	5.983.617.181	8.095.356.133
Giảm trong năm	-	(157.000.000)	(157.000.000)
Giảm do thoái đầu tư Công ty con	-	(157.000.000)	(157.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>13.735.226.089</b>	<b>18.793.805.345</b>	<b>32.529.031.434</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2025	65.379.960.934	18.194.855.314	83.574.816.248
Tại ngày 31/12/2025	63.268.221.982	12.330.238.133	75.598.460.115

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 670.543.000 VND (tại ngày 01/01/2025: 718.343.000 VND).

**5.13 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	614.089.484	2.895.985.956
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>614.089.484</b>	<b>2.895.985.956</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	14.258.244.426	17.027.546.874
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>14.258.244.426</b>	<b>17.027.546.874</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.14 Lợi thế thương mại****a. Chi tiết lợi thế thương mại**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	382.297.507
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	304.186.499	342.209.811
<b>Tổng</b>	<b>304.186.499</b>	<b>724.507.318</b>

**b. Biến động của lợi thế thương mại trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu năm	108.970.707.625	116.309.727.506
Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm	(108.246.200.307)	(107.043.694.457)
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(420.320.819)	(4.688.540.293)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con	-	(3.852.985.438)
<b>Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm</b>	<b>304.186.499</b>	<b>724.507.318</b>

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	155.197.034.007	155.197.034.007	291.565.147.848	291.565.147.848
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	161.881.654.008	161.881.654.008	55.289.415.005	55.289.415.005
EI Corporation	132.423.055.982	132.423.055.982	183.748.231.975	183.748.231.975
Phải trả người bán khác	120.673.291.203	120.673.291.203	63.384.796.468	63.384.796.468
<b>Tổng</b>	<b>570.175.035.200</b>	<b>570.175.035.200</b>	<b>593.987.591.296</b>	<b>593.987.591.296</b>

Trong đó,

*Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

248.541.516	248.541.516	814.088.237	814.088.237
-------------	-------------	-------------	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
 Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
 Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	61.812.548	977.906.064
Trích trước chi phí khác	842.269.837	2.322.548.711
<b>Tổng</b>	<b>904.082.385</b>	<b>3.300.454.775</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	-	1.599.088.419

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	90.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản nhận được	-	90.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	10.658.453.030
Lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch bán tài sản dài hạn cho công ty liên kết	-	10.658.453.030
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>10.748.453.030</b>

**5.18 Phải trả khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.738.133.544</b>	<b>5.192.338.993</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	91.120.997	17.940.835
Kinh phí công đoàn	190.175.437	184.183.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	314.202.177	327.274.465
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	54.000.000
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Chiết khấu phải trả	1.202.979.636	274.451.591
Phải trả ngắn hạn khác	5.000.234.533	3.449.067.415
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.748.381.996</b>	<b>19.545.549.446</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.748.381.996	19.545.549.446
<b>Tổng</b>	<b>18.486.515.540</b>	<b>24.737.888.439</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>12.742.041.105</i>	<i>11.350.716.250</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

Ghi chú	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản vay ngắn hạn</b>	<b>375.816.910.872</b>	<b>375.816.910.872</b>	<b>1.463.358.176.369</b>	<b>1.668.624.976.842</b>	<b>581.083.711.345</b>	<b>581.083.711.345</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>368.167.580.872</i>	<i>368.167.580.872</i>	<i>1.462.177.216.369</i>	<i>1.633.700.726.842</i>	<i>539.691.091.345</i>	<i>539.691.091.345</i>
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (i)	23.905.207.890	23.905.207.890	48.907.203.090	25.001.995.200	-	-
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	211.437.688.892	211.437.688.892	880.572.960.462	864.065.783.873	194.930.512.303	194.930.512.303
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	59.473.294.341	59.473.294.341	217.925.555.097	219.485.706.804	61.033.446.048	61.033.446.048
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iv)	73.351.389.749	73.351.389.749	264.539.820.520	474.915.563.765	283.727.132.994	283.727.132.994
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An	-	-	50.231.677.200	50.231.677.200	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>7.649.330.000</i>	<i>7.649.330.000</i>	<i>1.180.960.000</i>	<i>34.924.250.000</i>	<i>41.392.620.000</i>	<i>41.392.620.000</i>
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	-	-	83.000.000	5.193.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd.(Omiyanishi Branch) (v)	7.649.330.000	7.649.330.000	1.097.960.000	29.731.050.000	36.282.420.000	36.282.420.000
<b>b) Các khoản vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.409.790.000</b>	<b>7.409.790.000</b>	<b>7.409.790.000</b>
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	-	-	-	7.409.790.000	7.409.790.000	7.409.790.000
<b>Tổng</b>	<b>375.816.910.872</b>	<b>375.816.910.872</b>	<b>1.463.358.176.369</b>	<b>1.676.034.766.842</b>	<b>588.493.501.345</b>	<b>588.493.501.345</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH – CN Hà Nội số BBL-HN 02/2016 ngày 03/3/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 08 ngày 20/06/2025:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD  
Thời hạn của các khoản vay : Không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn  
Mục đích : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C  
Lãi suất : Chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 0,5%/năm  
Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Ngân hàng Saitama Resona Bank Limited phát hành

- (ii) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Mizuho HCM”) ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021:

Hạn mức tín dụng : Ngân hàng Mizuho HCM đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;  
Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn  
Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động  
Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.  
Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu : Ngày 25/3/2020. Trừ khi Ngân hàng Mizuho HCM ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.  
Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(iii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/017/25 ngày 03/3/2025 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
- Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2025 đến ngày 15/3/2026, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
- Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo

(iv) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Bangkok HCM”) số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

- Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay
- Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(v) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

*Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:*

Số tiền cho vay	: 2.900.000 USD
Ngày giải ngân	: 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên	: 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay	: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay	: 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm	: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>1.433.420.000</b>	<b>(3.639.900)</b>	<b>306.228.116</b>	<b>(84.767.270.589)</b>	<b>30.188.929.648</b>	<b>320.556.957.275</b>
Lãi/(lỗ) trong năm trước					7.129.425.755	(1.790.328.275)	5.339.097.480
Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết	-	-	-	-	1.341.478.942	-	1.341.478.942
Mất kiểm soát Công ty con	-	-	-	-	-	(22.416.304.883)	(22.416.304.883)
Biến động khác	-	-	-	-	2.279.004.220	-	2.279.004.220
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>1.433.420.000</b>	<b>(3.639.900)</b>	<b>306.228.116</b>	<b>(74.017.361.672)</b>	<b>5.982.296.490</b>	<b>307.100.233.034</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2025</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>1.433.420.000</b>	<b>(3.639.900)</b>	<b>306.228.116</b>	<b>(74.017.361.672)</b>	<b>5.982.296.490</b>	<b>307.100.233.034</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	13.954.822.077	242.466.419	14.197.288.496
Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết	-	-	-	-	10.449.184.721	-	10.449.184.721
Thoái đầu tư Công ty con (i)	-	-	-	-	-	(4.230.227.205)	(4.230.227.205)
Chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty liên kết đang áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	2.285.297.433	-	2.285.297.433
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(9.567.431)	9.567.431	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>1.433.420.000</b>	<b>(3.639.900)</b>	<b>306.228.116</b>	<b>(47.337.624.872)</b>	<b>2.004.103.135</b>	<b>329.801.776.479</b>

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải, một Công ty con của Công ty, đã thực hiện giải thể và chấm dứt hoạt động, chi tiết số lỗ từ thoái đầu tư trình bày tại Thuyết minh số 6.4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Saisan Co., Ltd.	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Các cổ đông khác	171.534.030.000	171.534.030.000
<b>Tổng</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>373.399.290.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>37.339.929</b>	<b>37.339.929</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>37.339.929</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>387</b>	<b>387</b>
Cổ phiếu phổ thông	387	387
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>37.339.542</b>	<b>37.339.542</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
<b>Tổng</b>	<b>306.228.116</b>	<b>306.228.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất****a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	6.573.426.000	6.307.426.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	20.271.742.000	5.299.662.000
Trên 05 năm	-	-
<b>Tổng</b>	<b>26.845.168.000</b>	<b>11.607.088.000</b>

**b. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
Theo giá trị nguyên tệ USD	78.566,80	74.337,88
Theo giá trị tương đương VND	2.051.929.116	1.877.105.808

**c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2025	01/01/2025	
	VND	VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Công ty Cổ phần Năng Lượng Đất Việt	848.863.238	848.863.238	Năm 2023
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	1.199.617.606	1.199.617.606	Năm 2023
Công ty Cổ phần Petrolimex	13.238.290	13.238.290	Năm 2023
<b>Tổng</b>	<b>3.361.719.134</b>	<b>3.361.719.134</b>	

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán LPG	3.269.885.859.110	3.270.031.179.818
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	9.753.878.420	9.874.189.514
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	37.154.158.424	54.701.217.642
<b>Tổng</b>	<b>3.316.793.895.954</b>	<b>3.334.606.586.974</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>709.578.389.083</i>	<i>976.433.122.906</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	67.917.327.639	19.583.637.426
Giảm giá hàng bán	3.395.864.556	1.662.196.637
Hàng bán bị trả lại	6.397.581.099	6.623.778.204
<b>Tổng</b>	<b>77.710.773.294</b>	<b>27.869.612.267</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>30.283.687.944</i>	<i>10.266.607.120</i>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán LPG	3.192.175.085.816	3.242.161.567.551
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	9.753.878.420	9.874.189.514
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	37.154.158.424	54.701.217.642
<b>Tổng</b>	<b>3.239.083.122.660</b>	<b>3.306.736.974.707</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán LPG	2.844.759.267.022	2.930.131.493.296
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.368.826.714)	5.262.445.151
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	41.023.438.669	51.089.386.765
<b>Tổng</b>	<b>2.884.413.878.977</b>	<b>2.986.483.325.212</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.409.297.309	4.335.485.194
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	243.500.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.964.399.588
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.974.281.613	6.218.695.960
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	176.299.043	1.126.266.574
Doanh thu hoạt động tài chính khác	110.685	28.754
<b>Tổng</b>	<b>6.803.488.650</b>	<b>16.644.876.070</b>
Trong đó, <i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>917.718.213</i>	<i>757.817.528</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	25.463.185.621	25.173.672.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.571.648.583	19.639.930.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	168.080.000
Lỗ do mất kiểm soát Công ty con	3.523.025.300	3.229.134.166
Chi phí tài chính khác	38.500	796.000
<b>Tổng</b>	<b>41.557.898.004</b>	<b>48.211.612.756</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	85.809.869.873	79.926.947.782
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	7.060.267.820	9.105.707.444
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.594.499.617	1.398.064.759
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.671.753.808	4.248.107.228
Chi phí liên quan đến vỏ bình gas, trong đó:		
+ <i>Chi phí mua vỏ bình gas</i>	<i>19.643.393.896</i>	<i>22.412.823.592</i>
+ <i>Chi phí sơn sửa, kiểm định vỏ bình gas</i>	<i>20.444.787.617</i>	<i>19.148.117.285</i>
+ <i>Chi phí thay van</i>	<i>2.148.382.071</i>	<i>2.114.203.465</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.316.967.778	60.217.059.655
Chi phí bằng tiền khác	13.821.422.234	9.670.413.716
<b>Tổng</b>	<b>222.511.344.714</b>	<b>208.241.444.926</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.850.527.574	29.119.664.413
Chi phí vật liệu quản lý	-	62.526.628
Chi phí đồ dùng văn phòng	267.739.775	211.279.703
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.095.092.806	6.658.238.494
Thuế phí và lệ phí	33.000.000	41.000.000
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.595.421.421	(9.629.757.717)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.019.952.259	10.662.765.341
Chi phí bằng tiền khác	8.274.779.435	9.905.784.684
Phân bổ lợi thế thương mại do hợp nhất kinh doanh	420.320.819	4.688.540.293
Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG	36.528.428.252	36.177.405.397
<b>Tổng</b>	<b>93.085.262.341</b>	<b>87.897.447.236</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.552.743.289	662.771.519
Thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ	2.659.118.963	3.064.344.427
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG	2.641.039.897	3.693.557.902
Kết chuyển doanh thu chưa thực hiện từ việc bán tài sản dài hạn cho Công ty liên kết (i)	10.658.453.030	619.999.998
Các khoản khác	1.520.934.933	602.800.927
<b>Tổng</b>	<b>20.032.290.112</b>	<b>8.643.474.773</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	3.697.536.408	103.051.874
Chi phí thuê kho, văn phòng của chi nhánh, cửa hàng đang tạm ngưng hoạt động	-	192.500.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý tháo dỡ	-	224.294.837
Các khoản khác	324.538.133	828.634.987
<b>Tổng</b>	<b>4.022.074.541</b>	<b>1.348.481.698</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>16.010.215.571</b>	<b>7.294.993.075</b>

- (i) Công ty đã thực hiện kết chuyển toàn bộ doanh thu chưa thực hiện từ việc bán tài sản dài hạn cho Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung từ số dư năm trước chuyển sang vào thu nhập khác do Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty này trong năm 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.572.267.591	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	5.030.857.809	48.812.971
<b>Tổng</b>	<b>10.603.125.400</b>	<b>48.812.971</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.281.896.472	124.000.000
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(106.270.343)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.769.302.448)	(4.076.458.545)
<b>Tổng</b>	<b>(487.405.976)</b>	<b>(4.058.728.888)</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	13.954.822.077	7.129.425.755
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	13.954.822.077	7.129.425.755
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	374	191

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.855.981.034	70.865.580.370
Chi phí nhân công	127.401.907.820	124.029.849.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	16.843.637.534	25.067.580.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.635.945.037	101.224.151.558
Chi phí khác bằng tiền	62.423.734.873	40.315.850.289
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.595.421.421	(9.629.757.717)
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.368.826.714)	5.262.445.151
<b>Tổng</b>	<b>348.387.801.005</b>	<b>357.135.700.186</b>

1019  
3 TY  
IH  
OÁN  
TNAI  
HỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
 Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
 Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Các cam kết và vụ kiện****a. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	2.523.272.724	3.364.363.632
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	-	2.523.272.724
Trên 05 năm	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.523.272.724</b>	<b>5.887.636.356</b>

**b. Vụ kiện**

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 25/2025/TL-KDTM ngày 14/02/2025 về việc “tranh chấp giữa Công ty và người quản lý của Công ty”, Nguyên đơn là Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và Bị đơn Ông Trần Minh Loan, nguyên Tổng Giám đốc của Công ty (hiện là cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Tập đoàn). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc Ông Trần Minh Loan phải bồi thường cho Công ty số tiền là 36.265.407.879 VND (trong đó: Số tiền 3.749.000.000 VND là khoản chênh lệch giữa giá mua thực tế đã thanh toán và giá mua được HĐQT chấp thuận liên quan đến việc mua 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo; ; số tiền 6.000.000.000 VND mà Công ty đã chuyển thanh toán cho Ông Ngô Mạnh Hùng theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023 nhưng không nhận được khoản lợi nhuận nào; số tiền 26.116.407.879 VND mà Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghệ CETI và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ACOM; số tiền 400.000.000 VND là khoản chênh lệch giá mua mà Công ty phải thanh toán thêm cho Ông Phạm Huy Hoàng để mua 2% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang”. Tòa án sẽ mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Lần 1: Lúc 8h ngày 9/4/2026; Lần 2: 13h30 ngày 28/4/2026 (nếu Ông Loan vắng mặt lần 1); Phiên tòa xét xử sơ thẩm: Lần 1 vào lúc 8h ngày 18/5/2026, lần 2 vào lúc 8h ngày 12/6/2026, lần 3 (nếu có) vào lúc 8h ngày 29/6/2026 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na	Công ty con của Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
12	Công ty TNHH Sopot Gas One	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
13	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết
15	Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng
16	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác	3.102.886.419	3.133.093.801

**Chi tiết Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập	-	-
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập	-	-
<b>Tổng</b>		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*****Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)***

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/ĐHĐCĐ.NQ-ASP ngày 27/6/2025, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán là 0 VND.

***Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác***

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Minh Loan	Nguyên Tổng Giám đốc		218.933.566
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc	546.393.986	538.384.763
Ông Hosokoji Yu	Nguyên Phó Tổng Giám đốc		-
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc	558.657.299	644.480.585
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thư ký Hội đồng quản trị	1.282.125.569	676.305.500
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán		497.015.329
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	715.709.565	557.974.058
Ông Vũ Thanh Hòa	Nguyên cán bộ phụ trách công bố thông tin		
<b>Tổng</b>		<b>3.102.886.419</b>	<b>3.133.093.801</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
 Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
 Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b><u>Bán hàng</u></b>		<b>709.578.389.083</b>	<b>976.433.122.906</b>
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	-	821.591.948
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	44.784.693.971	53.087.266.258
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Bán LPG và hàng hóa khác	26.074.258.557	34.239.340.162
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán hàng hóa, cho thuê xe	104.629.694.237	39.420.363.243
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Bán LPG và dịch vụ khác	89.817.139.003	21.708.408.695
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Bán LPG	141.228.553.143	47.020.446.556
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG và dịch vụ khác	44.456.379.356	183.269.664.306
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán LPG	67.304.186.351	81.787.716.141
Công ty TNHH Sopet Gas One	Bán LPG và dịch vụ khác	150.794.972.646	164.191.119.463
Công ty Cổ phần MT Gas	Bán LPG và dịch vụ khác	20.596.583.930	341.411.735.936
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Bán LPG, cho thuê xe	19.891.927.889	9.475.470.198

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
 Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
 Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
<b><u>Mua hàng</u></b>		<b>37.594.832.847</b>	<b>30.513.853.385</b>
Saisan Co., Ltd.	Phí bảo lãnh tính dụng	1.366.895.459	688.831.417
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Mua hàng hóa, dịch vụ	312.050.200	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phí thuê kho gửi LPG, mua LPG, thuê xe	-	236.230.427
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Cước vận chuyển, thuê xe	1.462.036.360	2.233.385.450
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Phí vận chuyển, chiết nạp	5.996.081.558	5.021.745.914
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.710.928.260	3.477.079.310
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ	44.212.964	1.618.991.196
Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na	Mua hàng hóa	3.758.914.200	1.029.966.100
Công ty Cổ phần MT Gas	Mua hàng hóa, dịch vụ	17.121.515.592	15.909.018.684
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Mua hàng hóa, dịch vụ	822.198.254	297.645.637
Công ty TNHH Sopot Gas One	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	959.250
<b><u>Giảm trừ doanh thu</u></b>		<b>30.283.687.944</b>	<b>10.266.607.120</b>
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Chiết khấu thương mại	8.117.861.149	1.385.704.621
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Chiết khấu thương mại	9.825.191.717	2.671.614.091
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	12.340.635.078	4.356.694.090
Công ty Cổ phần MT Gas	Chiết khấu thương mại	-	1.852.594.318

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b><u>Giao dịch cho vay</u></b>			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Tiền gốc cho vay bằng cách chuyển đổi công nợ	2.800.000.000	20.000.000.000
	Tiền gốc cho vay thu hồi	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Tiền gốc chi cho vay	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Tiền gốc chi cho vay	-	1.450.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tiền gốc cho vay thu hồi	475.000.000	3.800.000.000
<b><u>Doanh thu hoạt động tài chính</u></b>		<b>917.718.213</b>	<b>757.817.528</b>
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi cho vay	8.151.782	255.516.162
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông		280.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Lãi cho vay	279.123.285	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Lãi cho vay	108.749.997	100.109.586
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Lãi cho vay	241.693.149	402.191.780
<b><u>Giao dịch khác</u></b>		<b>-</b>	<b>90.000.000</b>
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	-	90.000.000

**c. Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u></b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	29.438.598.598	30.088.048.777
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	4.898.177.695	7.253.189.744
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	29.354.808.756	22.827.532.205
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	32.521.596.250	14.639.989.743
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	14.626.933.063	21.242.915.418
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông		33.956.979.087
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	4.513.430.305	8.401.831.451
Công ty TNHH Sopet Gas One	1.731.615.173	18.705.295.182
Công ty Cổ phần MT Gas	27.386.164.542	43.934.711.764
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	1.027.260.645	455.124.531

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon

Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b><u>Phải thu khác ngắn hạn</u></b>	<b>712.755.476</b>	<b>560.709.177</b>
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	15.457.534	134.794.520
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	279.123.285	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	18.174.657	9.236.301
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	16.678.356
Ông Lại Văn Tú	400.000.000	400.000.000
<b><u>Phải thu khác dài hạn</u></b>	<b>-</b>	<b>293.000.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	-	293.000.000
<b><u>Phải thu về cho vay</u></b>	<b>23.987.320.000</b>	<b>30.662.320.000</b>
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	2.800.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	14.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	1.450.000.000	1.450.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	475.000.000
<b><u>Phải trả người bán ngắn hạn</u></b>	<b>248.541.516</b>	<b>814.088.237</b>
Saisan Co., Ltd.	102.766.194	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	-	347.203.260
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	106.272.000	106.272.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	-	203.936.391
Công ty Cổ phần MT Gas	-	90.497.805
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	39.503.322	66.178.781
<b><u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u></b>	<b>-</b>	<b>1.599.088.419</b>
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	-	1.599.088.419
<b><u>Phải trả dài hạn khác</u></b>	<b>12.742.041.105</b>	<b>11.350.716.250</b>
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	2.085.553.883	1.895.880.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	5.853.937.222	5.172.286.250
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	4.802.550.000	4.282.550.000

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayhashi Naoki